TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ V** **TỈNH P**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/KDTM-ST
Ngày 29-09-2022
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Lê Anh T.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Ch

Bà Nguyễn Thị H

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa : Bà Đào Thị H − Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh P tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thanh V - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2022/TLST- KDTM ngày 24 tháng 01 năm 2022 (Giải quyết tiếp số: 22 ngày 27 tháng 5 năm 2022) về việc: "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST-KDTM ngày 22 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2022/QĐST-KDTM ngày 06 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Việt Nam Th Th.**

Địa chỉ trụ sở: Số 89, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội,

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ma Quang M và ông Nguyễn Triệu Th; chức vụ: Cán bộ xử lý nợ Ngân hàng TMCP Việt Nam Th Th (Theo Văn bản ủy quyền số 3302/2021/UQ-VPB ngày 17/11/2021). (Đều có mặt)

- Bị đơn: **Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ M P.**

Địa chỉ trụ sở: Số nhà 33, khu 5, P. Vân Cơ, thành phố T, tỉnh P.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Ngọc M; chức vụ: Giám đốc. (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Ngọc M, sinh năm 1980

Địa chỉ: Khu 2, xã Chương Xá, huyện K, tỉnh P

Nơi ở hiện tại: Nhà C22, chung cư Xi măng Hữu Nghị, phường VP, thành phố T, tỉnh P. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam Th Th do ông Nguyễn Triệu Th là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: 180719-5657689-01-SME ngày 18/7/2019 và số: 201120-5657689-01-SME ngày 02/12/2020; Giấy đề nghị kiêm

hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm số 191-C-387446 ngày 19/07/2017 và các khế ước nhận nợ kèm theo, Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ M P (viết tắt là Công ty M P) địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 33, khu 5, phường Vân Cơ, thành phố T, tỉnh P do Ông Phạm Ngọc M - Chức vụ: Giám đốc là đại diện theo pháp luật vay vốn của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Th Th (gọi tắt là Ngân hàng VPBANK). Cụ thể như sau:

1. Hợp đồng cho vay hạn mức số: 180719-5657689-01-SME ngày 18/7/2019:

- Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động bán buôn tổng hợp (Bánh kẹo, hóa mỹ phẩm, thực phẩm, đồ uống không có cồn, hàng may sẵn, hàng tạp hóa).
- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.
- Khoản nợ lãi quá hạn sẽ phải chịu tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Khế ước nhận nợ số: 250620-5657689-01-SME ngày 25/6/2020:

- Số tiền nhận nợ: 66.093.000 đồng
- Thời hạn vay: 6 tháng, tính từ ngày 25/06/2020 đến ngày 25/12/2020
- Lãi suất cho vay trong hạn: 20%/năm. Lãi suất này sẽ được thay đổi theo phương thức như sau: mức lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần, kỳ điều chỉnh đầu tiên là ngày 25/09/2020. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: Lãi suất bán vốn của Bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 12,7%/năm.

2. Hợp đồng cho vay hạn mức số: 201120-5657689-01-SME ngày 02/12/2020:

- Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động bán buôn tổng hợp (Bánh kẹo, hóa mỹ phẩm, thực phẩm, đồ uống không có cồn, hàng may sẵn, hàng tạp hóa).
- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.
- Khoản nợ lãi quá hạn sẽ phải chịu tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Khế ước nhận nợ số: 021220-5657689-01-SME ngày 02/12/2020:

- Số tiền nhận nợ: 140.000.000 đồng
- Thời hạn vay: 6 tháng, tính từ ngày 02/12/2020 đến ngày 02/06/2021
- Lãi suất cho vay trong hạn: 20,5%/năm. Lãi suất này sẽ được thay đổi theo phương thức như sau: mức lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần, kỳ điều chỉnh đầu tiên là ngày 02/03/2021. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: Lãi suất bán vốn của Bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 14%/năm.

3. Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm số 191-C-387446 ngày 19/07/2017:

- Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn lưu động
- Hạn mức thẻ tín dụng: 40.000.000 đồng *(Bốn mươi triệu đồng).*

- Thời hạn hạn mức tín dụng: 60 tháng.

Biện pháp bảo đảm cho khoản vay nêu trên là: Theo Hợp đồng bảo lãnh số: 01/HĐBL/VPBANK-ĐHPT ngày 18/7/2019 và Hợp đồng bảo lãnh số: 01/HĐBL/VPBANK-HL ngày 02/12/2020, bên bảo lãnh ông Phạm Ngọc M đã đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh là Công ty M P trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng cho vay hạn mức số: 180719-5657689-01-SME ngày 18/7/2019; Hợp đồng cho vay hạn mức số 201120-5657689-01-SME ngày 02/12/2020 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm số 191-C-387446 ngày 19/07/2017 ký giữa Công ty M P và Ngân hàng VPBank bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, khế ước nhận nợ và văn bản liên quan.

Quá trình thực hiện Hợp đồng:

Trước khi khoản vay chuyển sang quá hạn Công ty M P đã thanh toán cho Ngân hàng VPBank số tiền là 45.383.849 đồng (trả gốc), 5.570.736 đồng (trả lãi) cho Hợp đồng cho vay hạn mức số 180719-5657689-01-SME ngày 18/7/2019. Công ty M P đã vi phạm thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với VPBank. Do đó, VPBank đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ. Tạm tính đến ngày 29/09/2022, Công ty M P còn nợ Ngân hàng VPBank tổng số tiền là:

Nợ gốc: 160.709.151 đồng
Nợ lãi: 87.837.590 đồng
Nợ gốc thẻ: 39.568.913 đồng
Nợ lãi thẻ: 40.558.960 đồng

Tổng cộng: 328.675.114 đồng (Ba trăm hai mươi tám triệu, sáu trăm bảy mươi năm nghìn, một trăm mười bốn đồng).

Ngân hàng đề nghị Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh P:

- Buộc Công ty M P phải thanh toán cho VPBank toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên; tạm tính đến ngày 29/09/2022 số tiền là:

- Nợ gốc: 160.709.151đồng
- Nợ lãi: 87.837.590đồng
- Nợ gốc thẻ: 39.568.913 đồng
- Nợ lãi thẻ:40.558.960 đồng

Tổng cộng: 328.675.114 đồng *(Ba trăm hai tám triệu, sáu trăm bảy mươi năm nghìn, một trăm mười bốn đồng).*

Trong trường hợp Công ty M P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho VPbank, đề nghị Tòa án buộc ông Phạm Ngọc M có nghĩa vụ trả nợ thay Công ty M P toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên.

Tòa án tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ cho đến ngày Công ty M P thực tế thanh toán hết nợ cho VPBank.

* Trong quá trình giải quyết vụ án ông Phạm Ngọc M, giám đốc Công ty M P đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án báo gọi nhiều lần

nhưng không đến Tòa án làm việc, Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi ở của ông M thuộc khu xi măng Hữu Nghị, phường VP, thành phố T, tỉnh P và được đại diện Ban quản lý khu chung cư xi măng Hữu Nghị cho biết: *"Ông Phạm Ngọc M, sinh năm 1980 cùng với vợ hiện vẫn đang ở và sinh sống tại nhà C22, khu chung cư xi măng Hữu Nghị, phường VP, thành phố T, tỉnh P, hàng tháng vẫn đóng tiền thuê nhà đầy đủ"*. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho ông M theo đúng quy định pháp luật.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:***

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng VPBANK. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và thương mại M P, do ông Phạm Ngọc M là giám đốc phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Th Th tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 29/9/2022 là 328.675.114 đồng *(Ba trăm hai tám triệu, sáu trăm bảy mươi năm nghìn, một trăm mười bốn đồng).* Trong đó nợ gốc Hợp đồng cho vay hạn mức số 180719-5657689-01-SME ngày 18/7/2019 và Hợp đồng vay hạn mức số 201120-5657689-01-SME ngày 02/12/2020 là: 160.709.151 đồng; nợ lãi là 87.837.590 đồng. Nợ gốc thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm số 191-C-387446 ngày 19/07/2017 là 39.568.913 đồng; nợ lãi thẻ là: 40.558.960 đồng.

Trường hợp Công ty M P không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xác minh, kê biên, xử lý tài sản bảo lãnh của ông Phạm Ngọc M theo Hợp đồng bảo lãnh số: 01/HĐBL/VPBANK-ĐHPT ngày 18/7/2019 và Hợp đồng bảo lãnh số: 01/HĐBL/VPBANK-HL ngày 02/12/2020 để thu hồi nợ.

Về án phí: Buộc Công ty M P phải chịu toàn bộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án. Đây là vụ án kinh doanh thương mại về "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam Th Th và bị đơn Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ M P, do ông Phạm Ngọc M là Giám đốc có trụ sở tại: Số nhà 33, khu 5, phường Vân Cơ, thành phố T, tỉnh P. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh P là đúng pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Ngọc M được tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử nhưng vẫn vắng mặt. Do vậy, Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông M.

[2]. Nội dung vụ án:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa Ngân hàng Việt Nam Th Th và Công ty M P có ký kết với nhau 02 Hợp đồng cho vay hạn mức số 180719-5657689-01-SME ngày 18/7/2019; số 201120-5657689-01-SME ngày 02/12/2020 và 01 Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm số 191-C-387446 ngày 19/07/2017.

* Về Hợp đồng tín dụng:

- Đối với Hợp đồng cho vay hạn mức số 180719-5657689-01-SME ngày 18/7/2019. Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động bán buôn tổng hợp (Bánh kẹo, hóa mỹ phẩm, thực phẩm, đồ uống không có cồn, hàng may sẵn, hàng tạp hóa). Hạn mức cho vay là 260.000.000đ *(Hai trăm sáu mươi triệu đồng).* Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng tính từ ngày 18/7/2019. Các bên sẽ ký kết khế ước nhận nợ để ghi nhận thông tin chi tiết về khoản vay vốn từng lần mà bên Ngân hàng cấp cho bên vay. Lãi suất cho vay trong hạn và cơ chế điều chỉnh lãi suất: Được bên Ngân hàng và bên vay thỏa thuận theo nhu cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của bên vay và được quy định cụ thể trong các khế ước nhận vợ và/hoặc các văn bản liên quan ký kết giữa bên vay và bên ngân hàng. Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Để thực hiện Hợp đồng hai bên đã ký Khế ước nhận nợ số: 250620-5657689-01-SME ngày 25/6/2020. Theo đó Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty M vay số tiền 66.093.000 đồng *(Sáu mươi sáu triệu, không trăm chín mươi ba nghìn đồng).* Thời hạn vay: 06 tháng, tính từ ngày 25/06/2020 đến ngày 25/12/2020. Lãi suất cho vay trong hạn: 20%/năm. Lãi suất này sẽ được thay đổi theo phương thức như sau: mức lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần, kỳ điều chỉnh đầu tiên là ngày 25/09/2020. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: Lãi suất bán vốn của Bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 12,7%/năm.

- Đối với Hợp đồng cho vay hạn mức số 201120-5657689-01-SME ngày 02/12/2020. Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động bán buôn tổng hợp (Bánh kẹo, hóa mỹ phẩm, thực phẩm, đồ uống không có cồn, hàng may sẵn, hàng tạp hóa). Hạn mức cho vay là 180.000.000đ *(Một trăm tám mươi triệu đồng).* Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng tính từ ngày 02/12/2020. Các bên sẽ ký kết khế ước nhận nợ để ghi nhận thông tin chi tiết về khoản vay vốn từng lần mà bên Ngân hàng cấp cho bên vay. Lãi suất cho vay trong hạn và cơ chế điều chỉnh lãi suất: Được bên Ngân hàng và bên vay thỏa thuận theo nhu cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của bên vay và được quy định cụ thể trong các khế ước nhận vợ và/hoặc các văn bản liên quan ký kết giữa bên vay và bên ngân hàng. Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Để thực hiện Hợp đồng hai bên đã ký Khế ước nhận nợ số: 021220-5657689-01-SME ngày 02/12/2020. Theo đó Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty M vay số tiền 140.000.000 đồng *(Một trăm bốn mươi nghìn đồng).* Thời hạn vay: 06 tháng, tính từ ngày 02/12/2020 đến ngày 02/06/2021**.** Lãi suất cho vay trong hạn: 20,5%/năm. Lãi suất này sẽ được thay đổi theo phương thức như sau: mức lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần, kỳ điều chỉnh đầu tiên là ngày 02/03/2021. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: Lãi suất bán vốn của Bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 14%/năm.

* Về thẻ tín dụng:

- Đối với Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm số 191-C-387446 ngày 19/07/2017. Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn lưu động. Hạn mức thẻ tín dụng: 40.000.000 đồng *(Bốn mươi triệu đồng).* Ngân hàng VBANK đã chấp thuận phát hành thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm cho Công ty M P tổng hạn mức tín dụng thẻ của khách hàng là 40.000.000 đồng *(Bốn mươi triệu đồng).* Người sử dụng thẻ là ông Phạm Ngọc M. Thời hạn hạn mức tín dụng: 60 tháng. Lãi suất trong hạn 29,5%/năm. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, Công ty M P đã rút số tiền gốc trong thẻ là 39.568.913 đồng.

Căn cứ vào 02 Hợp đồng cho vay hạn mức và 02 khế ước nhận nợ thì Ngân hàng VPBANK đã giải ngân cho Công ty M P vay tổng số tiền gốc là 206.093.000 đồng *(Hai trăm linh sáu triệu, không trăm chín mươi ba nghìn đồng),* Trong quá trình thực hiện Hợp đồng Công ty M P đã thanh toán cho Ngân hàng được 45.383.849 đồng tiền gốc và 5.570.736 đồng tiền lãi của Hợp đồng cho vay hạn mức số 180719-5657689-01-SME ngày 18/7/2019. Như vậy, tổng số tiền gốc Công ty M P còn nợ của 02 Hợp đồng cho vay hạn mức tính đến ngày 29/9/2022 là 160.709.151 đồng và tổng tiền lãi phát sinh của 02 Hợp đồng cho vay hạn mức tính đến ngày 29/9/2022 là 87.837.590 đồng.

Căn cứ Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm thì Công ty M P đã rút số tiền gốc trong thẻ là 39.568.913 đồng. Tính đến ngày 29/9/2022 Công ty M P còn nợ Ngân hàng nợ gốc thẻ là 39.568.913 đồng và nợ lãi thẻ là 40.558.960 đồng.

Xét về hình thức và nội dung của 02 Hợp đồng cho vay hạn mức và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm được ký kết giữa Ngân hàng VPBANK và Công ty M P là hợp pháp. Thời điểm ký kết hợp đồng bên vay và bên cho vay có đầy đủ tư cách pháp nhân; người ký kết là đại diện hợp pháp và có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự. Đến thời điểm hiện tại bên vay đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, buộc Công ty M P phải trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Th Th số tiền gốc và lãi như trên là có căn cứ.

* Về Hợp đồng bảo lãnh:

Để bảo đảm cho 02 Hợp đồng cho vay hạn mức thì giữa Ngân hàng VPBANK và Phạm Ngọc M có ký kết với nhau 02 Hợp đồng bảo lãnh đó là Hợp đồng bảo lãnh số: 01/HĐBL/VPBANK-ĐHPT ngày 18/7/2019 bảo lãnh cho Hợp đồng vay hạn mức số 180719-5657689-01-SME ngày 18/7/2019 và Hợp đồng bảo lãnh số: 01/HĐBL/VPBANK-HL ngày 02/12/2020 bảo lãnh cho Hợp đồng vay hạn mức số 201120-5657689-01-SME ngày 02/12/2020. Theo đó bên bảo lãnh ông Phạm Ngọc M đã đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh là Công ty M P trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng cho vay hạn mức nêu trên đồng thời các văn kiện tín dụng được ký kết trước, trong và sau ngày ký kết Hợp đồng này.

Xét về về nội dung và hình thức của 02 Hợp đồng bảo lãnh được ký kết đúng quy định pháp luật. Do vậy, trong trường hợp Công ty M P không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng VPBANK thì Ngân hàng có

quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xác minh, kê biên, xử lý tài sản bảo lãnh của ông Phạm Ngọc M theo Hợp đồng bảo lãnh nêu trên để thu hồi nợ là có căn cứ.

[3]. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng VPBANK được chấp nhận nên Công ty M P phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Ngân hàng VPBANK được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T là có căn cứ được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QuyÕt ®Þnh:

1. Căn cứ khoản 16 Điều 4, Điều 90, 91, 95 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 274; khoản 1 Điều 275; Điều 280; Điều 463, 465, 466 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Th Th đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và thương mại M P do ông Phạm Ngọc M là giám đốc về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng".

3. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và thương mại M P, do ông Phạm Ngọc M là giám đốc phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Th Th tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 29/9/2022 là 328.675.114 đồng *(Ba trăm hai tám triệu, sáu trăm bảy mươi năm nghìn, một trăm mười bốn đồng).* Trong đó nợ gốc Hợp đồng cho vay hạn mức số 180719-5657689-01-SME ngày 18/7/2019 và Hợp đồng vay hạn mức số 201120-5657689-01-SME ngày 02/12/2020 là: 160.709.151 đồng *(Một trăm sáu mươi triệu, bảy trăm linh chín nghìn, một trăm năm mươi mốt đồng)*; nợ lãi là 87.837.590 đồng *(Tám mươi bảy triệu, tám trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm chín mươi đồng)*. Nợ gốc thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm số 191-C-387446 ngày 19/07/2017 là 39.568.913 đồng *(Ba mươi chín triệu, năm trăm sáu mươi tám nghìn, chín trăm mười ba đồng)*; nợ lãi thẻ là: 40.558.960 đồng *(Bốn mươi triệu, năm trăm năm mươi tám nghìn, chín trăm sáu mươi đồng)*.

- Trong trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và thương mại M P, do ông Phạm Ngọc M là giám đốc không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Th Th thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Th Th có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xác minh, kê biên, xử lý tài sản bảo lãnh của ông Phạm Ngọc M theo Hợp đồng bảo lãnh số: 01/HĐBL/VPBANK-ĐHPT ngày 18/7/2019 và Hợp đồng bảo lãnh số: 01/HĐBL/VPBANK-HL ngày 02/12/2020 để thu hồi nợ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và thương mại M P, do ông Phạm Ngọc M là

giám đốc còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và thương mại M P, do ông Phạm Ngọc M là giám đốc phải chịu 16.433.755 đồng *(Mười sáu triệu, bốn trăm ba mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi lăm đồng).*

Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Th Th được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 6.517.000 đồng *(Sáu triệu, năm trăm mười bảy nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2020/0009131 ngày 24/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh P.

Tr-êng hîp b¶n ¸n ®-îc thi hµnh theo qui ®Þnh t¹i §iÒu 2 LuËt thi hµnh ¸n d©n sù th× ng-êi ®-îc thi hµnh ¸n d©n sù, ng-êi ph¶i thi hµnh ¸n d©n sù cã quyÒn tho¶ thuËn thi hµnh ¸n, quyÒn yªu cÇu thi hµnh ¸n, tù nguyÖn thi hµnh ¸n hoÆc bÞ c-ìng chÕ thi hµnh ¸n theo qui ®Þnh t¹i c¸c ®iÒu 6, 7, 7a, 7b vµ 9 luËt thi hµnh ¸n d©n sù; thêi hiÖu thi hµnh ¸n ®-îc thùc hiÖn theo qui ®Þnh t¹i ®iÒu 30 LuËt thi hµnh ¸n d©n sù.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND TP. T,T. P;*
- **TÒA**
- *Chi cục THADS TP. T, T. P;*
- *§-¬ng sù;*
- *L-u hå s¬, ¸n v¨n.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

Lê Anh T